

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 13 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 12 năm 2024 và ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2024/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Phương Th, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp NV, xã NT, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng Tr (Lê Văn Tr), sinh năm 1975 và bà Lâm Thị M, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vinh Bắc, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương Th trình bày: Vào ngày 21/02/2019 vợ chồng ông Tr, bà M mở dây hui mùa 10.000.000 đồng, ba tháng mở hui một lần; gồm có 14 hui viên, bà Th tham gia 01 chân. Sau khi tham gia bà Th đã đóng đến lần thứ 12 xong thì vợ chồng ông Tr, bà M tuyên bố ngưng hui. Sau khi ngưng hui thì bà Th có gặp ông Tr, bà M để yêu cầu trả lại số tiền hui đã đóng thì ông Tr, bà M hứa sẽ thanh toán cho bà số tiền hui được lĩnh như hui chết là 120.000.000

đồng, chia ra trả thành hai lần nhưng ông Tr không thực hiện nên bà đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thì ông Tr trả 43.000.000 đồng và viết cam kết nợ lại số tiền 77.000.000 đồng hứa trả trong hai lần nên bà đã rút yêu cầu khởi kiện. Sau khi bà rút đơn ông Tr bà M không thực hiện theo cam kết nên bà tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông Tr, bà M phải trả lại cho bà số tiền 77.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị Phương Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do ông Tr, bà M đã trả được cho bà 7.000.000 đồng, hiện tại còn nợ là 70.000.000 đồng, nên bà Th yêu cầu ông Tr bà M trả số tiền 70.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Ông Lê Văn Tr, bà Lâm Thị M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng ông Tr, bà M vắng mặt không vì lý do bất khả kháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết chưa đảm bảo về thời hạn xét xử theo quy định tại của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên. Buộc ông Tr, và M phải trả số tiền nợ hui là 70.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 4; khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện bà Đỗ Thị Phương Th khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Tr, bà Lâm Thị M trả số tiền hui còn nợ. Ông Tr, bà M có nơi cư trú tại ấp Vinh Bắc, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng hợp đồng góp hui, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương Th yêu cầu ông Lê Văn Tr, bà Lâm Thị M phải giao số tiền hui còn lại là 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo biên nhận nợ và cam kết trả nợ đề ngày 20/7/2023, ông Tr đã ký tên xác nhận còn nợ số tiền 120.000.000 đồng và cam kết trả như sau: lần 1: Vào ngày 04/8/2023 dương lịch trả số tiền 50.000.000 đồng; lần 2 ngày 30/9/2023 dương lịch sẽ trả số tiền 30.000.000 đồng; lần 3 ngày 01/3/2024 dương lịch trả số tiền còn lại là 40.000.000 đồng. Sau khi cam kết ông Tr chỉ thực hiện trả được tổng cộng là 50.000.000 đồng còn lại 70.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông Lê Văn Tr, bà Lâm Thị M là bị đơn được biết nhưng ông Tr, bà M không có ý kiến phản hồi và vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng. *Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.* Như vậy ông Tr, bà M, đã tước bỏ quyền chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, nên ông Tr bà M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại của pháp luật. Tại giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ do ông Lê Văn Tr ký ngày 25/10/2023, và nguyên đơn xác định ông Tr bà M còn nợ lại số tiền 70.000.000 đồng, Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện so ban đầu là 7.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Văn Tr, bà Lâm Thị M có tách nhiệm trả lại số tiền hui cho bà Th, nên ông Tr, bà M phải chịu án phí có giá ngạch là $70.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.500.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Phương Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; Điều 271; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Phương Th. Buộc ông Lê Văn Tr, bà Lâm Thị M phải trả lại cho bà Đỗ Thị Phương Th số tiền nợ hui là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Đình chỉ một yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lâm Thị M, ông Lê Văn Tr phải chịu án phí dân sự có ngạch là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Phương Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.176.400 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng), theo biên lai thu tiền số 0002393 ngày 11/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương Th có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê văn Tr, bà Lâm Thị M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

